



zá huò diàn

杂货店

noun · grocery store

Example Sentences

tā zài zá huò diàn mǎi le yī píng shuǐ
他在杂货店买了一瓶水。

He bought a bottle of water at the grocery store.

zhè jiā zá huò diàn zǎo shàng bā diǎn kāi mén
这家杂货店早上八点开门。

This grocery store opens at eight in the morning.

Trace each character, then write the word on your own.

杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂		
货	货	货	货	货	货	货	货	货	货	货
店	店	店	店	店	店	店	店	店	店	店